

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP NGỮ VĂN LỚP 8

TUẦN 14 - HK 1

Nội dung:

Ôn tập kiểm tra học kỳ 1

Tên bài	Khái niệm - tác dụng	Ví dụ
Từ tượng hình, từ tượng thanh	1. Khái niệm: - Từ tượng hình là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. - Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người. 2. Tác dụng: Từ tượng hình, từ tượng thanh gọi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; thường được dùng trong văn miêu tả và tự sự.	- Lom khom dưới núi tiêu vài chú, Lác đác bên sông chợ mấy nhà. - Côn Sơn suối chảy rì rầm, Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Trường từ vựng	1. Khái niệm: Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa .	tàu , xe, thuyền , máy bay cùng trường từ vựng về phương tiện giao thông
Trợ từ	1. Khái niệm: Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. 2. Tác dụng: nhấn mạnh, biểu thị thái độ trong khi nói, viết.	Một số trợ từ: <i>những, có, chính, đích, ngay, ...</i> Đặt câu: Tôi giải được <i>những</i> năm bài toán khó Lưu ý: Khi sử dụng trợ từ cần chú ý văn cảnh: “những” trong trường hợp trên là “trợ

		từ” chứ không phải là “lượng từ”.
Thán từ	1. Khái niệm: Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành câu đặc biệt. 2. Thán từ gồm 2 loại: - Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc - Thán từ gọi đáp.	- Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: <i>a, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi, hỡi, ơi, chao ôi,...</i> - Thán từ gọi – đáp: <i>này, ơi, vâng, dạ, ừ,...</i> - HS đặt câu
Tình thái từ	1. Khái niệm: Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói. 2. Một số loại tình thái từ: tình thái từ nghi vấn, tình thái từ cầu khiến, tình thái từ cảm thán, tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm.	- Tình thái từ nghi vấn: <i>à, ư, hả, hử, chứ, chẳng, ...</i> - Tình thái từ cầu khiến: <i>đi, nào, với, ...</i> - Tình thái từ cảm thán: <i>thay, sao, ...</i> - Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: <i>à, nhé, cơ, mà, cơ mà,...</i> HS đặt câu
Câu ghép	1. Khái niệm: Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C – V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C – V này được gọi là một vế câu. 2. Cách nối các vế câu: Có hai cách nối các vế câu: - Dùng những từ có tác dụng nối: Nói bằng một QHT; nói bằng một cặp QHT, nói bằng một cặp phó từ, cặp đại từ hay cặp chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp hô ứng).	1. Do Hải chủ quan nên bạn ấy đã làm sai bài toán cuối. -> QH nguyên nhân – hệ quả 2. Nếu mọi người không vứt rác bừa bãi thì khu phố sẽ sạch đẹp. -> QH điều kiện (giả thiết) – hệ quả

	- <i>Không dùng từ nối</i>: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm. 3. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là : <i>Quan hệ nguyên nhân, QH điều kiện (giả thiết), QH tương phản, QH tăng tiến, QH lựa chọn, QH bổ sung, QH tiếp nối, QH đồng thời, QH giải thích.</i> * Lưu ý: Nhiều trường hợp cần dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép.	3. Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. -> Quan hệ tương phản. 4. Trời trong như ngọc, đất sạch như lau. -> QH liệt kê đồng thời. 5. Mặt trời càng lên cao, ánh nắng càng gay gắt. -> QH tăng tiến. 6. Anh đi trước rồi mọi người đi sau cũng được. -> QH tiếp nối. 7. Chị không nói gì nữa và chị ngồi khóc. -> QH bổ sung. 8. Bạn đi tập hát còn tôi đi tập bơi. -> QH lựa chọn. 9. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay, tôi đi học. -> QH giải thích.
Nói giảm nói tránh	1. Khái niệm: Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. 2. Tác dụng: Tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.	Bác Dương <u>thôi đã thôi rồi</u>, Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta. -> <i>Tránh gây cảm giác quá đau buồn khi nói đến cái chết.</i>

Nói quá	1. Khái niệm : Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả. 2. Tác dụng : Để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.	Bác ơi, tim Bác mênh mông thế, Ôm cả non sông mọi kiếp người. -> <i>Nhấn mạnh tình yêu thương bao la của Bác.</i>
-----------------------	--	--